TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HS-ST
Ngày 30-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lương Bích Diệp

Ông Bùi Văn Khiêm

- Thư ký phiên toà: Ông Nông Đàm Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Trần Lệnh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2018/TLST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. La Văn T; tên gọi khác là M; sinh ngày: 08/6/1996 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: La Văn T1 và bà: Đàm Thị B; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ từ ngày 25/02/2018 đến ngày 03/3/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt.

2. Lành Văn T; sinh ngày: 01/7/1986 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lành Văn Q và bà: Đàm Thị D; có vợ Vi Thị N và 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 25/02/2018 đến ngày 03/3/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt.

3. Bế Văn S; sinh ngày: 09/02/1981, tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bế Hải K và bà: Lưu Thị M; có vợ là Hứa Thị K và 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 26/02/2018 đến ngày 03/3/2018 sau đó được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt.

4. Vi Văn C; sinh ngày: 28/8/1980, tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông: Vi Văn B và bà: Nông Thị K; có vợ Triệu Thị M và 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Tại Bản án số 20/2015/HSST ngày 10-6-2015 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã xử phạt Vi Văn C 05 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội: Đánh bạc (đã được xóa); bị tạm giữ từ ngày 26/02/2018 đến ngày 03/3/2018 sau đó được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt.

5. Vi Văn T; sinh ngày: 01/5/1983, tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vi Văn T1 và bà: Vi Thị X; có vợ Vi Thị D và 02 con; tiền sự: Không; tiền án: không có; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 26/02/2018 đến ngày 03/3/2018 sau đó được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt.

6. Vi Văn N; sinh ngày: 10/12/1963, tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu N, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 06/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vi Thế H và bà: Nông Thị C; có vợ Nông Thị H và 05 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị bắt để tạm giữ từ ngày 25/02/2018 đến ngày 03/3/2018 sau đó được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt.

7. Vi Văn L; tên gọi khác là Vi Văn P; sinh ngày: 24/12/1974, tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu 5, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vi Văn L1 và bà: Vi Thị N; có vợ Vi Thị L và 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ tạm giữ từ ngày 25/02/2018 đến ngày 03/3/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt.

8. Lành Văn C; sinh ngày: 28/12/1970, tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lành Văn Đ và bà: Trần Thị Đ (đều đã chết); có vợ Hoàng Thị Y và 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ ngày 25/02/2018 đến ngày 03/3/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt.

9. Vi Đức T; sinh ngày: 20/10/1974, tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 07/12. Dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vi Văn L2 và bà: Vi Thị G; có vợ Vị Thị B và 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ từ ngày 25/02/2018 đến ngày 03/3/2018 sau đó được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt.

10. Vi Văn H; sinh ngày: 18/01/1982 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vi Văn M và bà: Vị Thị T; có vợ Lý Thị T và 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ từ ngày 26/02/2018 đến ngày 03/3/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt.

11. Vy Văn T; sinh ngày: 22/01/1979 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vy Văn N và bà: Bùi Thị N; có vợ Lường Thị T và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ ngày 26/02/2018 đến ngày 06-03-2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt.

12. Vy Xuân H; sinh ngày: 18/4/1977, tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Sán chỉ; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vy Xuân L và bà:Nguyễn Thị T; có vợ Hoàng Thị C và 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ ngày 26/02/2018 đến ngày 06/03/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt.

13. Lộc Văn C; sinh ngày: 08/10/1964, tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 5/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam;

tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lộc Văn T và bà: Vy Thị Ơ; có vợ Hoàng Thị N và 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ ngày 26/02/2018 đến ngày 06/03/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt.

14. Hoàng Văn V; sinh ngày: 14/12/1981, tại huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn T và bà: Trịnh Thị P; có vợ Tăng Thị T và 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ ngày 26/02/2018 đến ngày 06/3/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt.

15. Bế Văn N; sinh ngày: 11/12/1970, tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con Bế Văn T và bà: Lộc Thị B; có vợ Lường Thị H và 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật; đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ ngày 24/02/2018, tổ công tác Công an huyện Lộc Bình đang thực hiện nhiệm vụ tại khu vực Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thì phát hiện và bắt quả tang một nhóm đối tượng đang chơi bạc với hình thức chơi xóc đĩa. Tổ công tác đã bắt và lập biên bản phạm tội quả tang năm người gồm: Vi Văn H; Lành Văn C, Vi Văn L, Vi Đức T, Vy Văn N. La Văn T, Lành Văn T, Bế Văn S, Vi Văn C, Vi Văn T, Vy Văn T, Vy Xuân H, Lộc Văn C, Hoàng Văn V, Bế Văn N bỏ chạy khỏi hiện trường.

Sau đó La Văn T, Lành Văn T, Bế Văn S, Vi Văn C, Vi Văn T, Vy Văn T, Vy Xuân H, Lộc Văn C, và Hoàng Văn V đã đến Cơ quan điều tra đầu thú.

Quá trình điều tra xác định được như sau: Khoảng 14 giờ 45 phút ngày 24/02/2018, Lành Văn T, Vi Văn H, Bế Văn N có mặt tại nhà La Văn T ở thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. La Văn T nảy sinh ý định đánh bạc bằng hình thức "xóc đĩa" nên đã rủ mọi người đánh bạc thì tất cả đều đồng ý. Sau đó, La Văn T chuẩn bị các dụng cụ dùng để đánh bạc gồm: bát đĩa sứ, bảng vị làm bằng bìa cát tông, dao, ghế nhựa, thanh tre rồi cho vào một ba lô. Chuẩn bị dụng cụ xong, La Văn T cầm ba lô cùng Lành Văn T, Vi Văn H, Bế Văn N đi bộ về phía đồi cây sau nhà La Văn T, lúc sau Lành Văn C đến thấy vậy cũng đi theo. Đi đến đồi cây ở cách nhà khoảng 100 mét thì La Văn T chọn làm địa điểm để đánh

bạc. Khoảng 10 phút sau, Vi Văn N điều khiển xe mô tô chở Vi Văn L, Hoàng Văn V đến để xe ở sân nhà La Văn T rồi cùng nhau đi bộ lên địa điểm đánh bạc, La Văn T xóc cái, Vi Văn H cầm bảng vị bắt đầu đánh bạc hình thức chơi "xóc đĩa" được thua bằng tiền cùng Lành Văn T, Lành Văn C, Bế Văn N, Vi Văn L, Vi Văn N, Hoàng Văn V. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày Vy Xuân H, Vi Đức T đến và cùng tham gia, khoảng 15 giờ 40 phút cùng ngày, Vi Văn T, Bế Văn S, Lộc Văn C, Vi Văn C, Vy Văn T đi xe máy đến để ở sân nhà Tuyên rồi đi bộ đến tham gia đánh bạc trong lúc đánh bạc La Văn T có thu tiền hồ của những người tham gia đánh bạc được 220.000đ (hai trăm, hai mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 12.895.000đ (mười hai triệu tám trăm chín mươi năm nghìn đồng). Trong đó Vi Văn H là 5.000.000đ (năm triệu đồng), Vi Văn N là 1.653.000đ (một triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng), Lành Văn C là 1.000.000đ (một triệu đồng), Hoàng Văn V là 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng), Lộc Văn C là 730.000đ (bảy trăm ba mươi nghìn đồng), Vi Văn L là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), Vy Văn T là 530.000đ (năm trăm ba mươi nghìn đồng), Vi Văn T là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), Vy Xuân H là 420.000đ (bốn trăm hai mươi nghìn đồng), Bế Văn S là 570.000đ (năm trăm bảy mươi nghìn đồng), Bế Văn N là 170.000đ (một trăm bẩy mươi nghìn đồng), Vi Văn C là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), La Văn T là 130.000đ (một trăm ba mươi nghìn đồng), Vi Đức T là 82.000đ (tám mươi hai nghìn đồng), Lành Văn T là 60.000đ (sáu mươi nghìn đồng).

Về vật chứng của vụ án: Tổng số tiền: 13.009.000đ (mười ba triệu không trăm linh chín nghìn đồng), trong đó: Thu giữ tại chiếu bạc là 3.157.000đ (ba triệu một trăm năm mươi bẩy nghìn đồng); thu giữ số tiền dùng để đánh bạc trên người các bị can tại nơi đánh bạc là 7.332.000đ (bẩy triệu ba trăm ba mươi hai nghìn đồng); các bị can tự giao nộp số tiền dùng để đánh bạc khi ra đầu thú là: 2.520.000đ (hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng); 02 (hai) bát con sứ màu trắng; 01 (một) đĩa sứ màu trắng có hoa văn màu đỏ; 04 (bốn) quân cái làm bằng cật tre, một mặt trắng, một mặt đen; 01 (một) bìa cát tông có kích thước 45 x 40 cm trên bề mặt được kẻ vẽ nhiều hình tròn khác màu nhau; 01 (một) con dao có kích thước dài 41cm, chuôi dao có kích thước 13cm bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại màu đen có kích thước 28cm, bản dao rộng nhất kích thước 8cm; 01 (một) ba lô vải màu đen; 01 (một) tấm bạt có kích thước 2,5 x 1,8 mét, một mặt màu cam, một mặt màu xanh; 02 (hai) ghế nhựa màu đỏ diện tích 20 x 20 x 15cm (loại không có lưng tựa). Đều là các dụng cụ sử dụng để đánh bạc; 05 (năm) điện thoại di động và 09 (chín) xe mô tô các loại.

Trong quá trình điều tra, xét thấy 09 (chín) xe mô tô không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp theo quy định, còn nhưng tang vật khác hiện tại đang tạm giữ.

Cáo trạng số: 31/CT-VKSLB ngày 26/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo La Văn T, về tội đánh bạc và tổ chức đánh bạc theo khoản 1 các Điều 321 và 322 Bộ luật hình sự 2015; các bị cáo Lành Văn T, Bế Văn S, Vi Văn C, Vi Văn T, Vi Văn N, Vi Văn L, Lành

Văn C, Vi Đức T, Vi Văn H,Vy Văn T, Vy Xuân H, Lộc Văn C, Hoàng Văn V và Bế Văn N, về tội đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn thực hành quyền công tố Nhà nước vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố về tội danh như đã nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố La Văn T, phạm tội đánh bạc và tổ chức đánh bạc; áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 322; điểm s, khoản 1, Điều 51 khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 50, Điều 55 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt La Văn T, từ 12 (mười hai) đến 15 (mười năm) tháng tù về tội tổ chức đánh bạc; từ 06 (sáu) đến 09(chín) tháng tù về tội đánh bạc, tổng hợp chung của cả hai tội là 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi tư) tháng tù, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 25/02/2018 đến ngày 03/3/2018 là 07 ngày.

Tuyên bố các bị cáo: Lành Văn T, Bế Văn S, Vi Văn C, Vi Văn T, Vi Văn N, Vi Văn L, Lành Văn C, Vi Đức T, Vi Văn H, Vy Văn T,Vy Xuân H, Lộc Văn C, Hoàng Văn V và Bế Văn N phạm tội đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Vi Văn C, từ 12 (mười hai) đến 15 (mười năm) tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Vi Văn H, Vi Văn N từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Hoàng Văn V, từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Bế Văn S, Vi Văn T, Vy Xuân H, Vy Văn T, Lộc Văn C, Lành Văn T từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo, Vi Văn L, Lành Văn C, Vi Đức T, Bế Văn N từ 06 (chín) đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo, do các bị cáo không có tài sản riêng và không có thu nhập ổn định.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 13.009.000 đồng; tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37; tịch thu tiêu hủy 02 (hai)

bát con sứ màu trắng; 01 (một) đĩa sứ màu trắng có hoa văn màu đỏ; 04 (bốn) quân cái làm bằng cật tre, một mặt trắng, một mặt đen; 01 (một) bìa cát tông có kích thước 45 x 40 cm trên bề mặt được kẻ vẽ nhiều hình tròn khác màu nhau; 01 (một) con dao có kích thước dài 41cm, chuôi dao có kích thước 13cm bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại màu đen có kích thước 28cm, bản dao rộng nhất kích thước 8cm; 01 (một) ba lô vải màu đen; 01 (một) tấm bạt có kích thước 2,5 x 1,8 mét, một mặt màu cam, một mặt màu xanh; 02 (hai) ghế nhựa màu đỏ diện 20 x 20 x 15cm (loại không có lưng tựa); trả cho Vi Văn N chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTC one M8 màu đỏ đen, kèm theo sim Viettel số thuê bao; 0982868640; Trả cho Lành Văn C chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Viettel; màu đỏ đen, kèm theo sim Viettel số thuê bao 0975327761; trả cho Vi Văn L chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen kèm theo sim Viettel số thuê bao 0979482487; trả cho Vi Đức T chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu trắng, vàng kèm theo sim Viettel số thuê bao 0978825373.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như cáo trạng đã nêu, ăn năn hối hận về hành vi của mình. Lời nói sau cùng của các bị cáo là mong hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 14 giờ 45 phút đến 16 giờ ngày 24/02/2018 tại khu đồi phía sau nhà của bị can La Văn T thuộc thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Mười năm người đã có hành vi tham gia đánh bạc ăn tiền với hình thức chơi xóc đĩa. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 12.895.000đ (mười hai triệu tám trăm chín mươi năm nghìn đồng). La Văn T là người khởi xướng, rủ các bị cáo khác chơi bạc, La Văn T đã chuẩn bị các công cụ để tham gia chơi bạc gồm: Bát, đĩa sứ; bảng vị làm bằng bìa cát tông, dao, ghế nhựa, thanh tre, bạt trải. Trong quá trình chơi bạc La Văn T đã thu tiền hồ của những người chơi bạc được 220.000đ (hai trăm hai mươi nghìn đồng). Như vậy đủ cơ sở kết luận bị cáo La Văn T phạm tội đánh bạc và tổ chức đánh bạc, quy định tại khoản 1 các Điều 321 và 322 Bộ luật Hình sự; các bị cáo: Lành Văn T, Bế Văn S, Vi Văn C, Vi Văn T, Vi Văn N, Vi Văn L, Lành Văn C, Vi Đức T, Vi Văn H, Vy Văn T, Vy Xuân H, Lộc Văn

C, Hoàng Văn V và Bế Văn N, phạm tội: Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng, đến nếp sống văn minh của xã hội và ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Trong vụ án này, các bị cáo đều nhận thức được hành vi đánh bạc hiện nay đang là vấn đề nhức nhối, là nguyên nhân gây ra nhiều loại tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác; các lực lượng chức năng, các cấp chính quyền, các cơ quan, tổ chức xã hội tại địa phương đang nỗ lực sử dụng nhiều biện pháp tuyên truyền phòng ngừa và đấu tranh ngăn chặn việc đánh bạc nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện với mục đích thu lời bất chính. Điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật của các bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra cần phải bị xử lý nghiêm minh trước pháp luật, nhằm mục đích giáo dục các bị cáo phải có ý thức tuyệt đối tuân thủ, chấp hành các quy định của pháp luật, đồng thời để đấu tranh phòng ngừa với loại tội phạm này.

[4] Đây là vụ án hình sự tổ chức đánh bạc và đánh bạc có nhiều người tham gia nhưng không có tính chất chuyên nghiệp, chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn do nhiều bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm. Các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra và cùng phải chịu một chế tài do điều luật đó quy định, xong về nguyên tắc mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng đối với riêng bị cáo đó. Để cá thể hoá hình phạt, có mức án thỏa đáng đối với các bị cáo cần phải xem xét đến nhân thân, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo.

[5] Trong vụ án này, bị cáo La Văn T là người có vai trò khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác tham gia đánh bạc. Bị cáo là người trực tiếp chuẩn bị các công cụ để đánh bạc, đưa các bị cáo khác đến địa điểm đánh bạc do bị cáo lựa chọn, tạo điều kiện để các bị cáo tham gia đánh bạc hình thức xóc đĩa nhằm mục đích thu tiền của các bị cáo đánh bạc và thỏa mãn nhu cầu đánh bạc của bản thân và thu tiền hồ. Bị cáo là người tổ chức, có vai trò chính trong vụ án này, các bị cáo: Lành Văn T, Bế Văn S, Vi Văn C, Vi Văn T, Vi Văn N, Vi Văn L, Lành Văn C, Vi Đức T, Vi Văn H, Vy Văn T, Vy Xuân H, Lộc Văn C, Hoàng Văn V và Bế Văn N trực tiếp tham gia đánh bạc, tuy các bị cáo đánh bạc với số tiền khác nhau, nhưng có vai trò ngang nhau trong vụ án.

[6] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo La Văn T, Lành Văn T, Bế Văn S, Vi Văn T, Vi Văn N, Vi Văn L, Lành Văn C, Vi Đức T, Vi Văn H, Vy Văn T, Vy Xuân H, Lộc Văn C, Hoàng Văn V và Bế Văn N là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn tôn trọng quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú; không vi phạm các điều mà pháp luật cấm; chưa bao giờ bị kết án, bị xử lý hành chính; bị cáo Vi Văn C đã từng bị kết án nhưng đến nay đã được xóa án tích, tuy không xác

định là tiền án đối với bị cáo nhưng điều đó thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu; tình tiết tăng nặng: Không có tình tiết tăng nặng; tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Lành Văn T, Bế Văn S, Vi Văn T, Vi Văn N, Vi Văn L, Lành Văn C, Vi Đức T, Vi Văn H, Vy Văn T, Vy Xuân H, Lộc Văn C, Hoàng Văn V và Bế Văn N có tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; ngoài ra các bị cáo La Văn T, Lành Văn T, Bế Văn S, Vi Văn C, Vi Văn T, Vy Văn T, Vy Xuân H, Lộc Văn C, Hoàng Văn V sau khi bỏ chạy đã đến cơ quan Công an huyện Lộc Bình đầu thú do vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo Vy Xuân H có bố được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến chống mỹ cứu nước hạng nhì, mẹ được tặng thưởng huân chương kháng chiến chống mỹ cứu nước hạng nhì; bị cáo Bế Văn S có bố được tặng thưởng huân chương kháng chiến chống mỹ cứu nước hạng nhất do vậy được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ; bị cáo Vi Văn C là lao động chính trong gia đình do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] La Văn T, Lành Văn T, Bế Văn S, Vi Văn T, Vi Văn N, Vi Văn L, Lành Văn C, Vi Đức T, Vi Văn H, Vy Văn T, Vy Xuân H, Lộc Văn C, Hoàng Văn V và Bế Văn N có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; các bị cáo đều có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong thời gian tại ngoại vừa qua không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Xét thấy không cần bắt các bị cáo này phải chấp hành hình phạt tù, chưa cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách. Giao các bị cáo cho Uỷ ban nhân dân nơi đang cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách là phù hợp với mức độ, tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

[8] Riêng bị cáo La Văn T cần phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định mới phù hợp với mức độ, tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

[9] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến năm mươi triệu đồng; khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ hai mươi triệu đồng đến một trăm triệu đồng, do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cả 15 bị cáo đều làm ruộng, không có thu nhập ổn định, không có tài sản, bị cáo Vi Văn C là lao động chính trong gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo. Đề nghị này là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về vật chứng: Gồm 13.009.000đ (mười ba triệu không trăm linh chín nghìn đồng) thu giữ của các bị cáo; 02 (hai) bát con sứ màu trắng; 01 (một) đĩa sứ màu trắng có hoa văn màu đỏ; 04 (bốn) quân cái làm bằng cật tre, một mặt trắng, một mặt đen; 01 (một) bìa cát tông có kích thước 45 x 40cm trên bề mặt được kẻ vẽ nhiều hình tròn khác màu nhau; 01 (một) con dao có kích thước dài 41cm, chuôi dao có kích thước 13cm bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại màu đen có kích thước 28cm, bản dao rộng nhất kích thước 8cm; 01 (một) ba lô vải màu đen; 01 (một) tấm bạt có kích thước 2,5 x 1,8 mét, một mặt màu cam, một mặt màu xanh; 02 (hai) ghế nhựa màu đỏ diện 20 x 20 x 15cm (loại không có lưng tựa); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37, màu trắng sữa của Lành Văn T; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTC one M8 màu đỏ đen, có số IMEI: 990004300048216 kèm theo sim Viettel số thuê bao 0982868640 của Vi Văn N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đỏ đen, có số IMEI: 35940064375864 kèm theo sim Viettel số thuê bao 0975327761 của Lành Văn C; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, có số IMEI: 359729062467213 kèm theo sim Viettel số thuê bao 0979482487 của Vi Văn L; 01chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu trắng, vàng có số IMEI: 866580037731134 kèm theo sim Viettel số thuê bao 0978825373 của Vi Đức T. Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xét thấy: 02 (hai) bát con; 01 (một) đĩa; 04 (bốn) quân cái làm bằng cật tre; 01 (một) bìa cát tông; 01 (một) con dao; 01 (một) ba lô; 01 (một) tấm bạt; 02 (hai) ghế nhựa tất cả đều là công cụ dùng để đánh bạc, có liên quan đến việc phạm tội, không có giá trị cần tịch thu để tiêu hủy. Đối với di động nhãn hiệu OPPO A37, màu trắng sữa thu giữ của Lành Văn T dùng để liên lạc với bị cáo Bế Văn S rủ nhau đi đánh bạc nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTC one M8 màu đỏ đen, kèm theo sim Viettel số thuê bao 0982868640 thu giữ của Vi Văn N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đỏ đen, kèm theo sim Viettel số thuê bao 0975327761 thu giữ của Lành Văn C; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, kèm theo sim Viettel số thuê bao 0979482487 thu giữ của Vi Văn L; 01chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu trắng, vàng kèm theo sim Viettel số thuê bao 0978825373 thu giữ của Vi Đức T là tài sản hợp pháp của các bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tuyên trả lại cho các bị cáo. Đối với số tiền 13.009.000đ đồng là tiền dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[12] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Các bị cáo bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[13] Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015.

1. Về tội danh

Tuyên bố La Văn T phạm tội Tổ chức đánh bạc và tội Đánh bạc.

Tuyên bố các bị cáo Lành Văn T, Bế Văn S, Vi Văn C, Vi Văn T, Vi Văn N, Vi Văn L, Lành Văn C, Vi Đức T, Vi Văn H, Vy Văn T, Vy Xuân H, Lộc Văn C, Hoàng Văn V và Bế Văn N phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt La Văn T 12 (mười hai) tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc và 06 (sáu) tháng tù về tội Đánh bạc. Hình phạt chung La Văn T phải thi hành là 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ đi thời gian bắt tạm giữ là 07 (bẩy) ngày (từ ngày 25/02/2018 đến ngày 03/3/2018).

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt Vi Văn C 15 (mười năm) tháng tù; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 30 tháng 8 năm 2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với Vi Văn H, Vi Văn N, Vi Văn L, Lành Văn C, Vi Đức T, Bế Văn N .

Xử phạt Vi Văn H 12 (mười hai) tháng tù; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 30 tháng 8 năm 2018.

Xử phạt Vi Văn N 09 (chín) tháng tù; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 30 tháng 8 năm 2018.

Xử phạt Vi Văn L 09 (chín) tháng tù; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 30 tháng 8 năm 2018.

Xử phạt Lành Văn C 09 (chín) tháng tù; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 30 tháng 8 năm 2018.

Xử phạt Bế Văn N 09 (chín) tháng tù; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 30 tháng 8 năm 2018.

Xử phạt Vi Đức T 06 (sáu) tháng tù; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 30 tháng 8 năm 2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1,2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với Lành Văn T, Bế Văn S, Vi Văn T, Vy Văn T, Vy Xuân H, Lộc Văn C, Hoàng Văn V.

Xử phạt Vi Văn T 09 (chín) tháng tù; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 30 tháng 8 năm 2018.

Xử phạt Vy Văn T 09 (chín) tháng tù; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 30 tháng 8 năm 2018.

Xử phạt Lộc Văn C 09 (chín) tháng tù; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 30 tháng 8 năm 2018.

Xử phạt Hoàng Văn V 09 (chín) tháng tù; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 30 tháng 8 năm 2018.

Xử phạt Vy Xuân H 06 (sáu) tháng tù; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 30 tháng 8 năm 2018.

Xử phạt Lành Văn T 06 (sáu) tháng tù; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 30 tháng 8 năm 2018.

Xử phạt Bế Văn S 06 (sáu) tháng tù; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 30 tháng 8 năm 2018.

Giao các bị cáo Lành Văn T, Bế Văn S, Vi Văn C, Vi Văn T, Lành Văn C, Vi Văn H, Vy Văn T, Vy Xuân H, Lộc Văn C, Hoàng Văn V, Bế Văn N cho Uỷ ban nhân dân xã Đông Quan, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Vi Văn N, Vi Văn L, Vi Đức T cho Uỷ ban nhân dân thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng

Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) bát con sứ màu trắng; 01 (một) đĩa sứ màu trắng có hoa văn màu đỏ; 04 (bốn) quân cái làm bằng cật tre, một mắt trắng, một mặt đen; 01 (một) bìa cát tông có kích thước 45x40cm trên bề mặt được kẻ vẽ nhiều hình tròn khác màu nhau; 01 (một) con dao có kích thước dài 41cm, chuôi dao có kích thước 13 cm bằng gỗ, dao bằng kim loại màu đen có kích thước 28cm, bản dao rộng nhất kích thước 8cm; 01 (một) ba lô vải màu đen; 01 (một) tấm bạt có kích thước 2,5x1,8mét, một mặt màu cam, một mặt màu xanh; 02 (hai) ghế nhựa màu đỏ diện tích 20x20x15cm (loại không có lưng tựa).

Trả cho Vi Văn N chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTC one M8 màu đỏ đen, có số IMEI: 990004300048216 kèm theo sim Viettel số thuê bao 0982868640, điện thoại đã qua sử dụng;

Trả cho Lành Văn C chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đỏ đen, có số IMEI: 35940064375864 kèm theo sim Viettel số thuê bao 0975327761, điện thoại đã qua sử dụng.

Trả cho Vi Văn L chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, có số IMEI: 359729062467213 kèm theo sim Viettel số thuê bao 0979482487, điện thoại đã qua sử dụng.

Trả cho Vi Đức T chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu trắng, vàng có số IMEI: 866580037731134 kèm theo sim Viettel số thuê bao 0978825373, điện thoại đã qua sử dụng.

Tịch thu hóa giá, sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37, màu trắng sữa số IMEI 1: 863090038357353, IMEI 2: 863090038357346 kèm theo 01 sim điện thoại Viettel số thuê bao: 0968129838, điện thoại đã qua sử dụng của bị cáo Lành Văn T.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 13.009.000đ (mười ba triệu không trăm linh chín nghìn đồng) thu trên chiếu bạc và các bị cáo giao nộp khi ra đầu thú.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26-7-2018).

4. Về án phí

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Các bị cáo La Văn T, Lành Văn T, Bế Văn S, Vi Văn C, Vi Văn T, Vi Văn N, Vi Văn L, Lành Văn C, Vi Đức T, Vi Văn H, Vy Văn T, Vy Xuân H, Lộc Văn C, Hoàng Văn V và Bế Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, các bị cáo, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h. Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an h. Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CQTHAHS CA h.L, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h. L, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Văn Bình